

Hướng dẫn soạn bài: Nhân hóa SGK lớp 6 tập 2 ngắn gọn, chi tiết, bám sát nội dung chương trình học giúp các em tiếp thu bài giảng một cách dễ hiểu và nhanh nhất dành cho các em học sinh lớp 6 tham khảo.

I. Kiến thức cơ bản

1. Nhân hoá là gì?

a) Tìm phép nhân hoá trong đoạn thơ sau:

Ông trời
Mặc áo giáp đen
Ra trận
Muôn nghìn cây mía
Múa gươm
Kiến
Hành quân
Đầy đường.

(Trần Đăng Khoa)

Gợi ý: Nhớ lại những kiến thức đã được học về nhân hoá ở Tiểu học để xác định hình ảnh nhân hoá trong đoạn thơ.

- "trời" được nhân hoá: ông trời, mặc áo giáp, ra trận;
- cây mía được nhân hoá: múa gươm;
- đàn kiến được nhân hoá: hành quân.

b) So sánh các sự vật trong những câu sau với các sự vật được miêu tả ở đoạn thơ của Trần Đăng Khoa và rút ra tác dụng của phép so sánh.

- Bầu trời đầy mây đen.
- Muôn nghìn cây mía ngả nghiêng, lá bay phấp phới.
- Kiến bò đầy đường.

Gợi ý: Những câu văn trên không sử dụng phép nhân hoá, cho nên, dù có cùng một nội dung sự vật như đoạn thơ của Trần Đăng Khoa nhưng không có tính gợi cảm, không thể hiện được một cách sinh động hình ảnh các sự vật trong cơn mưa, không thể hiện được cái nhìn ngộ nghĩnh, hồn nhiên mà tinh tế của trẻ thơ; các sự vật mất đi sự gần gũi với con người,...

2. Các kiểu nhân hoá

a) Những sự vật nào được nhân hoá trong các câu dưới đây:

(1) Từ đó, **lão** Miệng, **bác** Tai, **cô** Mắt, **cậu** Chân, **cậu** Tay lại **thân mật sống với nhau**, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.

(Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)

(2) *Gậy tre, chông tre **chống lại** sắt thép quân thù. Tre xung **phong** vào xe tăng, đại bác. Tre **giữ** làng, **giữ** nước, **giữ** mái nhà tranh, **giữ** đồng lúa chín.*

(Thép Mới)

(3)

*Trâu **oi**, ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.*

(Ca dao)

Gợi ý: Các sự vật được nhân hoá trong các câu là: Miệng, tai, mắt, chân, tay (1); tre (2); trâu (3).

b) Dựa vào các từ in đậm trên, hãy phân biệt các kiểu so sánh.

Gợi ý: Dùng từ ngữ vốn để gọi người để gọi vật (lão, bác, cô, cậu, người, ai); xem vật như người để trò chuyện, xưng hô (oi) là ba kiểu nhân hoá thường gặp.

II. Rèn luyện kỹ năng

1. So sánh hai đoạn văn sau và rút ra nhận xét về tác dụng của phép nhân hóa.

(1) *Bến cảng lúc nào cũng **đông vui**. **Tàu mẹ**, **tàu con** đậu đầy mặt nước. **Xe anh**, **xe em** tíu tíu nhận hàng về và chở hàng ra. **Tất cả đều bận rộn**.*

(Phong Thu)

(2) *Bến cảng lúc nào cũng **rất nhiều** **tàu xe**. **Tàu lớn**, **tàu bé** đậu đầy mặt nước. **Xe to**, **xe nhỏ** nhận hàng về và chở hàng ra. **Tất cả đều hoạt động liên tục**.*

Gợi ý:

So sánh các cặp từ ngữ in đậm tương ứng để thấy tác dụng gợi tả quang cảnh bến cảng sống động, với cái nhìn hồn nhiên của con mắt trẻ thơ mà phép nhân hoá đã tạo ra ở đoạn văn (1).

2. Cách viết trong hai đoạn văn dưới đây có gì khác nhau? Cách viết nào phù hợp với văn biểu cảm, cách viết nào phù hợp với văn thuyết minh?

(1) Trong **họ hàng nhà chổi** thì **cô bé Chổi Rơm** vào loại **xinh xắn nhất**. Cô có **chiếc váy vàng óng**, không ai đẹp bằng. **Áo của cô cũng bằng rơm thóc nếp vàng tươi**, được **tết sẵn lại**, **cuốn từng vòng quanh người**, trông cứ như áo len vậy.

(Vũ Duy Thông)

(2) Trong **các loại chổi, chổi rơm** vào loại **đẹp nhất**. Chổi được **tết bằng rơm nếp vàng**. Tay chổi được **tết sẵn lại thành sợi** và **quấn quanh thành cuộn**.

Gợi ý: So sánh các cặp từ ngữ in đậm tương ứng; những hình ảnh nhân hoá (trong đoạn (1)) phù hợp để biểu cảm. Cách viết trong đoạn 2 phù hợp với văn thuyết minh.

3. Phép nhân hoá trong mỗi đoạn văn dưới đây được tạo ra bằng cách nào và tác dụng của nó như thế nào?

a)

*Núi cao chi lắm núi ơi
Núi che mặt trời chẳng thấy người thương!*

(Ca dao)

b) Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng **tập nập xuôi ngược**, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ **cãi cọ om bốn góc đầm**, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy vêu vao ngày ngày bị **bõm lội bùn tím cả chân** mà vẫn **hếch mỏ**, chẳng được miếng nào.

(Tô Hoài)

c) Dọc sông, những **chòm cỏ thụ dáng mãnh liệt** đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. [...] Nước bị cản **văng bọt tứ tung**, thuyền vùng vằng cứ **chực trụt xuống**, quay đầu chạy về lại Hoà Phước.

(Võ Quảng)

d) Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị **chặt đứt ngang nửa thân mình**, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, **thơm ngào ngạt**, long lanh dưới nắng hè gay gắt, rồi dần dần **bầm lại**, đen và đặc quện lại thành từng cục máu lớn.

(Nguyễn Trung Thành)

Gợi ý:

- (a): Núi (ơ), núi (che) – coi sự vật như người để trò chuyện, xưng hô.
- (b): (cua, cá) tấp nập; (cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm,...) cãi cọ om sòm - dùng từ ngữ chỉ tính chất, hoạt động của con người để chỉ tính chất, hoạt động của đối tượng không phải con người; họ, anh - dùng từ ngữ gọi người để gọi con vật;
- (c): (chòm cỏ thụ) đáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn, (thuyền) vùng vằng - dùng từ ngữ chỉ tính chất, hoạt động của con người để chỉ tính chất, hoạt động của đối tượng không phải con người;
- (d): (cây) bị thương, thân mình, vết thương, cục máu - dùng từ ngữ chỉ tính chất, hoạt động, bộ phận của con người để chỉ tính chất, hoạt động, bộ phận của đối tượng không phải con người.

4. Hãy viết một đoạn văn miêu tả từ 5 đến 10 câu trong đó có sử dụng phép nhân hoá.

Gợi ý: Tham khảo đoạn văn sau:

Hàng vạn con chim háo hức ăn mồi như hối hả hưởng cái hạnh phúc hiếm có ở cửa bể này. Tiếng chim náo động từ bình minh đến hoàng hôn, từ hoàng hôn đến tinh mơ. Thời gian trôi qua đảo trong rộn rã nhạc chim. Chúng hót lên vô tư. Chúng gọi nhau đi chơi. Chúng tranh mồi, dọa nạt, kêu cứu. Tiếng chim át cả tiếng sóng biển, át cả tiếng gió.